

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HS-PT  
Ngày 31 – 01 – 2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Chung.

*Các Thẩm phán:* Ông Trương Công Bình và bà Lưu Thị Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2024/TLPT-HS, ngày 02 tháng 01 năm 2024. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2023/HS-ST, ngày 24 – 11 – 2023 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

*\* Bị cáo có kháng cáo:*

Họ và tên: **Nguyễn Đức C** (tên gọi khác: không); sinh năm: 1978, tại tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn T, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đức C1, sinh năm 1950 và bà Trần Thị H, sinh năm 1950; bị cáo có vợ Vũ Thị L, sinh năm 1982 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2011;

Tiền sự: không

Tiền án: 04;

Theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 28/2010/HS-ST ngày 25/3/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, bị cáo bị xử phạt 18 tháng tù nhưng hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”;

Theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 21/2011/HS-ST ngày 23/3/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, bị cáo bị xử phạt 09 tháng tù

về tội “Trộm cắp tài sản” và tổng hợp hình phạt 18 tháng tù của Bản án Hình sự sơ thẩm số 28/2010/HS-ST ngày 25/3/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum. Ngày 28/12/2012, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù;

Theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 05/2015/HS-ST ngày 13/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai, bị cáo bị xử phạt 27 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 02/12/2016, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù;

Theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 60/2017/HS-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, bị cáo bị xử phạt 09 năm về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 31/8/2023, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2023 cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/9/2023, Nguyễn Đức C đón xe khách từ thành phố K, tỉnh Kon Tum đến thành phố B, tại đây C mua dụng cụ sửa xe rồi vào tiệm cơ khí (không xác định được địa chỉ cụ thể) mượn máy mài để mài một đầu đoạn sắt hình lục giác thành đoạn phá khóa hình chữ “L”. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 27/9/2023, C đón xe khách xuống thị trấn M, huyện M với mục đích trộm cắp tài sản. Đến thị trấn M, C gặp và thuê một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) chở C đi theo yêu cầu của C trong buổi sáng với giá 400.000 đồng. Khi đến quán cà phê “Phố Xanh” tại tổ dân phố F, thị trấn M bên cạnh Ngân hàng N, chi nhánh huyện M, C ngồi uống cà phê thì phát hiện bà Trần Thị T từ Ngân hàng đi ra, trên tay cầm túi nylon màu đỏ bỏ vào cốp xe mô tô Biển kiểm soát 47G1-188.41, C nói với người lái xe ôm chở C đi theo sau bà T. Thấy bà T dựng xe ở cổng sau chợ (tổ dân phố B, thị trấn M) và đi vào bên trong chợ, C yêu cầu người lái xe ôm dừng cách chỗ bà T dựng xe khoảng 30m. C đi bộ đến xe của T, dùng đoạn phá khóa cốp xe lấy túi nylon bên trong có 80.000.000 đồng và 01 căn cước công dân mang tên Trần Thị T. Bà T phát hiện tri hô, C cầm túi nylon bỏ chạy được khoảng 60m thì bị ông Phan Bảo T1 và một số người dân bắt giữ, báo Công an thị trấn M lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

- Vật chứng thu giữ: Xe mô tô HONDA biển kiểm soát 47G1- 188.41; 01 túi nylon màu đỏ, bên trong có 80.000.000 đồng và 01 thẻ Căn cước công dân mang tên Trần Thị T.

T trên người Nguyễn Đức C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus và 501.000 đồng; 01 đoạn sắt tự chế, gồm 02 phần: Phần đầu là 01 đoạn sắt dài

7,4cm, một đầu 06 cạnh, một đầu được mài đẹp và nhọn; Phần kết nối với phần đầu là 01 đoạn sắt hình trụ, bên trong là khuôn 6 cạnh; 01 mũ bảo hiểm.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 93/KL- HĐĐG ngày 16/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M'Đrắk kết luận: Giá trị ổ khóa cốp xe mô tô biển kiểm soát 47G1- 188.41 là 80.000 đồng.

**Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2023/HS-ST ngày 24/11/ 2023 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173 và điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức C 05 (Năm) năm 06 (S) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 27/9/2023.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28/11/2023, bị cáo Nguyễn Đức C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt 05 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thoả đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, tại cấp phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 27/9/2023, tại cổng phía sau chợ M ở tổ dân phố B, thị trấn M. Lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, bị cáo dùng đoạn sắt (đoạn tự chế) cạy cốp xe mô tô biển kiểm soát 47G1-188.41 chiếm đoạt 80.000.000 đồng của bà Trần Thị T. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo đang có 04 tiền án về tội Trộm cắp tài sản. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội Trộm cắp tài sản với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” và “tái phạm nguy hiểm” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Đức C, thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt về tội Trộm cắp tài sản, tuy nhiên sau khi chấp hành xong hình phạt, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù giam là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ đến các tình tiết giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm, thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm ở địa phương.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức C.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 23/2023/HS-ST ngày 24/11/ 2023 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrắk về hình phạt.

[2]. Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức C 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 27/9/2023.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Đức C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT C.A tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M'Đrắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Công an huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Chung**